Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-06-12 17:06:44 +07:00

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 09/2026/TT-TANDTC	*Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2026*

THÔNG TƯ
Quy định về quy chế làm việc của tổ Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ việc phục hồi, phá sản

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 81/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 142/2025/QH15 và Luật số 150/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phục hồi, phá sản số 142/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học Tòa án nhân dân tối cao;

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Thông tư quy định về quy chế làm việc của tổ Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ việc phục hồi, phá sản.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về quy chế làm việc của tổ Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ việc phục hồi, phá sản theo quy định tại Điều 7 của Luật Phục hồi, phá sản, bao gồm việc thành lập, nhiệm vụ, quyền hạn, nguyên tắc hoạt động, chế độ làm việc của tổ Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phục hồi, phá sản, giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.

Điều 2. Thành lập tổ Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phục hồi, phá sản

1. Trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 25 và khoản 2 Điều 39 của Luật Phục hồi, phá sản, căn cứ vào tính chất phức tạp của vụ việc phục hồi, phá sản, Chánh án Tòa án nhân dân khu vực có thể xem xét, quyết định thành lập tổ Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phục hồi, phá sản.

2. Chánh án hoặc Phó Chánh án được Chánh án ủy nhiệm ban hành quyết định thành lập tổ Thẩm phán gồm 03 Thẩm phán và giao cho một Thẩm phán làm tổ trưởng.

3. Việc thay đổi Thẩm phán, thành lập, bổ sung, thay thế tổ Thẩm phán được thực hiện như sau:

a) Thẩm phán không tiếp tục thực hiện được nhiệm vụ của mình vì lý do sức khỏe, nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác, chưa được bổ nhiệm lại khi hết nhiệm kỳ, sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác hoặc thuộc trường hợp phải từ chối hoặc thay đổi quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Phục hồi, phá sản, thì việc thay đổi Thẩm phán thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Luật Phục hồi, phá sản;

b) Trường hợp Thẩm phán đang giải quyết đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phục hồi, phá sản nhận thấy vụ việc phục hồi, phá sản cần thiết phải thành lập tổ Thẩm phán thì báo cáo Chánh án Tòa án phân công bổ sung 02 Thẩm phán để thành lập tổ Thẩm phán theo quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Trường hợp tổ Thẩm phán đang giải quyết đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phục hồi, phá sản mà tổ trưởng tổ Thẩm phán nhận thấy vụ việc phục hồi, phá sản không cần thiết phải thành lập tổ Thẩm phán thì báo cáo Chánh án Tòa án để xem xét, quyết định việc phân công một Thẩm phán giải quyết thay thế tổ Thẩm phán.

4. Sau khi được thay đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều này, Thẩm phán thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật.

5. Việc thay đổi Thẩm phán, thành lập, bổ sung, thay thế tổ Thẩm phán theo quy định tại khoản 3 Điều này phải được Chánh án Tòa án xem xét, quyết định trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị và phải được gửi ngay cho người đề nghị thay đổi Thẩm phán, doanh nghiệp, hợp tác xã, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Điều 3. Thành lập tổ Thẩm phán giải quyết đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản

1. Tổ Thẩm phán do Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền thành lập để giải quyết đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản của Tòa án nhân dân khu vực.

2. Ngay sau khi nhận được hồ sơ vụ việc phá sản kèm theo đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị, Chánh án hoặc Phó Chánh án được Chánh án ủy nhiệm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định thành lập tổ Thẩm phán gồm 03 Thẩm phán và giao cho một Thẩm phán làm tổ trưởng.

3. Việc thay đổi Thẩm phán của tổ Thẩm phán giải quyết đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 2 của Thông tư này.

Điều 4. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ Thẩm phán

1. Tổ Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phục hồi, phá sản bắt đầu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 7 của Luật Phục hồi, phá sản, Thông tư này và quy định khác của pháp luật kể từ khi có quyết định thành lập và chấm dứt việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau khi đã giải quyết xong vụ việc phục hồi, phá sản hoặc sau khi có quyết định của Chánh án Tòa án quy định tại điểm c khoản 3 Điều 2 của Thông tư này.

2. Tổ Thẩm phán giải quyết đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản bắt đầu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 67 của Luật Phục hồi, phá sản, Thông tư này và quy định khác của pháp luật kể từ khi có quyết định thành lập và chấm dứt việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau khi đã giải quyết xong đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của các tổ Thẩm phán

1. Tổ Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phục hồi, phá sản thảo luận tập thể và quyết định theo đa số đối với những loại việc quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 7, các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều 13 của Thông tư này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Tổ Thẩm phán giải quyết đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản thảo luận tập thể và quyết định theo đa số khi ra một trong các quyết định quy định tại khoản 1 Điều 19 của Thông tư này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Tổ trưởng tổ Thẩm phán điều hành, phân công nhiệm vụ thực hiện, phụ trách chung hoạt động của tổ Thẩm phán, báo cáo và chịu trách nhiệm trước tổ Thẩm phán, trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của tổ Thẩm phán, tổ trưởng ký thay mặt tổ Thẩm phán và đóng dấu Tòa án.

4. Thành viên tổ Thẩm phán thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của tổ trưởng tổ Thẩm phán, báo cáo và chịu trách nhiệm trước tổ Thẩm phán, tổ trưởng và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công, thành viên tổ Thẩm phán ký thay tổ trưởng tổ Thẩm phán và đóng dấu Tòa án.

5. Các thành viên tổ Thẩm phán có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ vụ việc phục hồi, phá sản và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác của Thẩm phán, tổ Thẩm phán theo quy định của pháp luật về phục hồi, phá sản.

Điều 6. Nguyên tắc phối hợp giữa tổ Thẩm phán với Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan thi hành án dân sự, Kiểm sát viên, Chấp hành viên, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản

Việc phối hợp giữa tổ trưởng tổ Thẩm phán, thành viên tổ Thẩm phán với Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan thi hành án dân sự, Kiểm sát viên, Chấp hành viên, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

1. Thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật về phục hồi, phá sản;

2. Giải quyết vụ việc phục hồi, phá sản nhanh chóng, kịp thời, vô tư, khách quan, đúng pháp luật.

Chương II
CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA TỔ THẨM PHÁN GIẢI QUYẾT ĐƠN YÊU CẦU ÁP DỤNG THỦ TỤC PHỤC HỒI

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phục hồi

Tổ Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phục hồi thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi quy định tại điểm a khoản 4 Điều 34 và khoản 1 Điều 37 của Luật Phục hồi, phá sản;

2. Quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản theo thủ tục rút gọn quy định tại điểm a khoản 4 Điều 34 của Luật Phục hồi, phá sản;

3. Quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi và thụ lý vụ việc phá sản quy định tại điểm b khoản 4 điều 34 của Luật Phục hồi, phá sản;

4. Quyết định việc bán tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã để bảo đảm chi phí phục hồi, bảo toàn tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã quy định tại khoản 7 Điều 7 của Luật Phục hồi, phá sản;

5. Quyết định công nhận hoặc không công nhận nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh, quyết định công nhận nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh quy định tại khoản 1 Điều 34 và khoản 3 Điều 36 của Luật Phục hồi, phá sản;

6. Các nhiệm vụ, quyền hạn của tổ Thẩm phán được giao cho tổ trưởng tổ Thẩm phán hoặc thành viên tổ Thẩm phán theo quy định tại Điều 9 của Thông tư này.

7. Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật về phục hồi, phá sản.

Điều 8. Phương thức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của tổ Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phục hồi

1. Khi xem xét, giải quyết các vấn đề quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 7 của Thông tư này, tổ trưởng tổ Thẩm phán phải tổ chức phiên họp để thảo luận tập thể và quyết định theo đa số. Phiên họp của tổ Thẩm phán phải có đủ các thành viên tổ Thẩm phán, trường hợp có thành viên vắng mặt thì phải hoãn phiên họp. Thời hạn hoãn phiên họp là không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hoãn phiên họp.

2. Trình tự, thủ tục phiên họp của tổ Thẩm phán được thực hiện như sau:

a) Tổ trưởng tổ Thẩm phán khai mạc và chủ trì phiên họp. Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên họp.

Biên bản phiên họp ghi lại toàn bộ diễn biến phiên họp và phải có chữ ký của tổ trưởng và thư ký ghi biên bản;

b) Thành viên của tổ Thẩm phán báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trước tổ Thẩm phán. Tổ trưởng tổ Thẩm phán trình bày tóm tắt nội dung vụ việc, quá trình giải quyết và các nội dung cần thảo luận, ra quyết định;

c) Trong trường hợp cần thiết, tổ Thẩm phán có thể triệu tập Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, người tham gia thủ tục phục hồi để họ trình bày ý kiến;

d) Các thành viên của tổ Thẩm phán thảo luận và biểu quyết về các nội dung cần ra quyết định.

3. Khi thảo luận và biểu quyết phải có biên bản ghi lại ý kiến đã thảo luận và quyết định của tổ Thẩm phán. Biên bản thảo luận phải được các thành viên của tổ Thẩm phán ký, ghi rõ họ tên. Thành viên có ý kiến thiểu số có quyền trình bày ý kiến của mình bằng văn bản riêng hoặc ghi trong biên bản thảo luận.

4. Quyết định của tổ Thẩm phán phải được đa số thành viên của tổ Thẩm phán biểu quyết tán thành. Quyết định này phải được lập thành văn bản và được tổ trưởng ký thay mặt tổ Thẩm phán và đóng dấu Tòa án.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ trưởng tổ Thẩm phán và thành viên tổ Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phục hồi

1. Các nhiệm vụ, quyền hạn của tổ Thẩm phán sau đây do tổ trưởng thay mặt tổ Thẩm phán thực hiện:

a) Xử lý đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phục hồi, thụ lý đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phục hồi quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 25 của Luật Phục hồi, phá sản;

b) Hướng dẫn, yêu cầu người tham gia thủ tục phục hồi thu thập, giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu, đề nghị của họ là có căn cứ và hợp pháp; kiểm tra, thẩm định tính xác thực của tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật Phục hồi, phá sản;

c) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ việc phục hồi quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật Phục hồi, phá sản;

d) Quyết định chỉ định hoặc thay đổi Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản quy định tại khoản 4 Điều 7 và Điều 11 của Luật Phục hồi, phá sản;

đ) Giám sát hoạt động của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản khi giải quyết vụ việc phục hồi quy định tại khoản 5 Điều 7 của Luật Phục hồi, phá sản;

e) Giám sát hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã sau khi Tòa án thụ lý đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phục hồi quy định tại Điều 32 của Luật Phục hồi, phá sản;

g) Quyết định việc thực hiện kiểm toán doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp cần thiết quy định tại khoản 6 Điều 7 của Luật Phục hồi, phá sản;

h) Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền dẫn giải đại diện của doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật quy định tại khoản 9 Điều 7 của Luật Phục hồi, phá sản;

i) Ủy thác trong giải quyết vụ việc phục hồi quy định tại Điều 18 của Luật Phục hồi, phá sản;

k) Quyết định tổ chức Hội nghị chủ nợ quy định tại khoản 10 Điều 7 và Điều 33 của Luật Phục hồi, phá sản;

l) Giám sát thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh quy định tại Điều 35 của Luật Phục hồi, phá sản;

m) Áp dụng biện pháp xử phạt vi phạm hành chính; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý về hình sự theo quy định của pháp luật quy định tại khoản 14 Điều 7 của Luật Phục hồi, phá sản;

n) Quyết định xử lý tài sản bảo đảm có nguy cơ bị phá hủy hoặc bị giảm đáng kể về giá trị theo quy định tại khoản 3 Điều 27 của Luật Phục hồi, phá sản;

o) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo sự phân công của Tổ Thẩm phán, trừ các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 7 của Thông tư này.

2. Thành viên tổ Thẩm phán thay mặt tổ Thẩm phán thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này theo sự phân công bằng văn bản của tổ trưởng tổ Thẩm phán.

Điều 10. Trách nhiệm phối hợp của tổ Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phục hồi với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản

1. Tổ trưởng hoặc thành viên tổ Thẩm phán được phân công có trách nhiệm chỉ định, thay đổi Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản theo quy định tại Điều 11 của Luật Phục hồi, phá sản. Trường hợp thay đổi Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thì phải có quyết định thay đổi trong đó nêu rõ lý do thay đổi.

2. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện việc đề xuất, đề nghị, yêu cầu, báo cáo quy định tại khoản 2 Điều 30, các điều 10, 26, 28, 32, 35 và 36 của Luật Phục hồi, phá sản bằng văn bản và gửi tổ Thẩm phán trong thời hạn pháp luật về phục hồi, phá sản quy định.

Tổ Thẩm phán xem xét giải quyết trong thời hạn pháp luật về phục hồi, phá sản quy định. Trường hợp pháp luật về phục hồi, phá sản không quy định thời hạn thì tổ Thẩm phán phải xem xét, quyết định trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, đề nghị, yêu cầu, báo cáo. Kết quả giải quyết của tổ Thẩm phán phải được gửi ngay cho Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

3. Tổ trưởng hoặc thành viên tổ Thẩm phán được phân công giám sát hoạt động của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản khi giải quyết vụ việc phục hồi.

4. Tổ trưởng hoặc thành viên tổ Thẩm phán được phân công có thẩm quyền áp dụng biện pháp xử phạt vi phạm hành chính đối với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có hành vi vi phạm pháp luật theo quy định tại Điều 83 của Luật Phục hồi, phá sản và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 11. Trách nhiệm phối hợp của tổ Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phục hồi với Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên

1. Tổ trưởng hoặc thành viên tổ Thẩm phán được phân công gửi cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp các văn bản trong quá trình giải quyết đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phục hồi theo quy định tại các điều 25, 33, 34 và 37 của Luật Phục hồi, phá sản.

2. Trường hợp tổ Thẩm phán quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản theo thủ tục rút gọn, quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi và thụ lý vụ việc phá sản theo quy định tại khoản 4 Điều 34 của Luật Phục hồi, phá sản thì tổ trưởng hoặc thành viên tổ Thẩm phán được phân công gửi cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp các văn bản theo quy định tại Điều 39 và Điều 65 của Luật Phục hồi, phá sản.

Điều 12. Trách nhiệm phối hợp của tổ Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phục hồi với Cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên

1. Tổ trưởng hoặc thành viên tổ Thẩm phán được phân công có trách nhiệm gửi cho Cơ quan thi hành án dân sự thông báo thụ lý đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phục hồi theo quy định tại khoản 6 Điều 25 của Luật Phục hồi, phá sản.

2. Trường hợp tổ Thẩm phán quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi theo quy định tại khoản 1 Điều 37 của Luật Phục hồi, phá sản thì tổ trưởng hoặc thành viên tổ Thẩm phán được phân công gửi cho Cơ quan thi hành án dân sự quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi theo quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật Phục hồi, phá sản.

3. Trường hợp tổ Thẩm phán quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản theo thủ tục rút gọn, quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi và thụ lý vụ việc phá sản theo quy định tại khoản 4 Điều 34 của Luật Phục hồi, phá sản thì tổ trưởng hoặc thành viên tổ Thẩm phán được phân công gửi cho Cơ quan thi hành án dân sự các văn bản theo quy định tại Điều 39 và Điều 65 của Luật Phục hồi, phá sản và quy định khác của pháp luật về phục hồi, phá sản.

Chương III
CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA TỔ THẨM PHÁN GIẢI QUYẾT ĐƠN YÊU CẦU ÁP DỤNG THỦ TỤC PHÁ SẢN

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phá sản

Tổ Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phá sản thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản quy định tại Điều 41 của Luật Phục hồi, phá sản;

2. Xử lý khoản nợ có bảo đảm quy định tại Điều 44 của Luật Phục hồi, phá sản trừ trường hợp quy định tại điểm l khoản 1 Điều 15 của Thông tư này;

3. Quyết định tuyên bố giao dịch vô hiệu quy định tại Điều 50 của Luật Phục hồi, phá sản;

4. Quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ thực hiện hợp đồng đang có hiệu lực quy định tại Điều 51 của Luật Phục hồi, phá sản;

5. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời quy định tại Điều 58 của Luật Phục hồi, phá sản;

6. Quyết định đình chỉ thủ tục phá sản quy định tại Điều 64 của Luật Phục hồi, phá sản;

7. Quyết định đình chỉ thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh quy định tại khoản 3 Điều 63 của Luật Phục hồi, phá sản;

8. Quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản quy định tại Điều 65, khoản 2 Điều 71 và khoản 9 Điều 72 của Luật Phục hồi, phá sản;

9. Quyết định việc bán tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã để bảo đảm chi phí phá sản, bảo toàn tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã quy định tại khoản 7 Điều 7 của Luật Phục hồi, phá sản;

10. Quyết định công nhận nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã quy định tại khoản 1 Điều 63 của Luật Phục hồi, phá sản;

11. Các nhiệm vụ, quyền hạn của tổ Thẩm phán được giao cho tổ trưởng tổ Thẩm phán hoặc thành viên tổ Thẩm phán theo quy định tại Điều 15 của Thông tư này.

12. Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật về phục hồi, phá sản.

Điều 14. Phương thức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của tổ Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phá sản

1. Khi xem xét, giải quyết các vấn đề quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều 13 của Thông tư này, tổ trưởng tổ Thẩm phán phải tổ chức phiên họp để thảo luận tập thể và quyết định theo đa số. Phiên họp của tổ Thẩm phán phải có đủ các thành viên tổ Thẩm phán, trường hợp có thành viên vắng mặt thì phải hoãn phiên họp. Thời hạn hoãn phiên họp là không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hoãn phiên họp.

2. Trình tự, thủ tục phiên họp của tổ Thẩm phán được thực hiện như sau:

a) Tổ trưởng tổ Thẩm phán khai mạc và chủ trì phiên họp. Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên họp.

Biên bản phiên họp ghi lại toàn bộ diễn biến phiên họp và phải có chữ ký của tổ trưởng và thư ký ghi biên bản;

b) Thành viên của tổ Thẩm phán báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trước tổ Thẩm phán. Tổ trưởng tổ Thẩm phán trình bày tóm tắt nội dung vụ việc, quá trình giải quyết và các nội dung cần thảo luận, ra quyết định;

c) Trường hợp cần thiết, tổ Thẩm phán có thể triệu tập Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, người tham gia thủ tục phá sản để họ trình bày ý kiến;

d) Các thành viên của tổ Thẩm phán thảo luận và biểu quyết về các nội dung cần ra quyết định.

3. Khi thảo luận và biểu quyết phải có biên bản ghi lại ý kiến đã thảo luận và quyết định của tổ Thẩm phán. Biên bản thảo luận của tổ Thẩm phán phải được các thành viên của tổ Thẩm phán ký, ghi rõ họ tên. Thành viên có ý kiến thiểu số có quyền trình bày ý kiến của mình bằng văn bản riêng hoặc ghi trong biên bản thảo luận.

4. Quyết định của tổ Thẩm phán phải được đa số thành viên của tổ Thẩm phán biểu quyết tán thành. Quyết định này phải được lập thành văn bản và được tổ trưởng ký thay mặt tổ Thẩm phán và đóng dấu Tòa án.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ trưởng tổ Thẩm phán và thành viên tổ Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phá sản

1. Các nhiệm vụ, quyền hạn của tổ Thẩm phán sau đây do tổ trưởng thay mặt tổ Thẩm phán thực hiện:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các điểm d, g, h và m khoản 1 Điều 9 của Thông tư này;

b) Xử lý đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phá sản, thụ lý đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phá sản quy định tại các khoản 2, 3 và 5 Điều 39 của Luật Phục hồi, phá sản;

c) Hướng dẫn, yêu cầu người tham gia thủ tục phá sản thu thập, giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu, đề nghị của họ là có căn cứ và hợp pháp; kiểm tra, thẩm định tính xác thực của tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật Phục hồi, phá sản;

d) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ việc phá sản quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật Phục hồi, phá sản;

đ) Giám sát hoạt động của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản khi giải quyết vụ việc phá sản quy định tại khoản 5 Điều 7 của Luật Phục hồi, phá sản;

e) Giám sát hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản quy định tại Điều 42 của Luật Phục hồi, phá sản;

g) Ủy thác trong việc giải quyết vụ việc phá sản quy định tại Điều 18 của Luật Phục hồi, phá sản;

h) Quyết định tổ chức Hội nghị chủ nợ quy định tại khoản 10 Điều 7 và Điều 61 của Luật Phục hồi, phá sản;

i) Giám sát thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh quy định tại khoản 2 Điều 63 của Luật Phục hồi, phá sản;

k) Tiến hành hòa giải tranh chấp liên quan đến tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã theo đề nghị của người tham gia thủ tục phá sản và quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên quy định tại khoản 16 Điều 7 của Luật Phục hồi, phá sản;

l) Quyết định xử lý tài sản bảo đảm có nguy cơ bị phá hủy hoặc bị giảm đáng kể về giá trị theo quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Phục hồi, phá sản;

m) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo sự phân công của Tổ Thẩm phán, trừ các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều 13 của Thông tư này.

2. Thành viên tổ Thẩm phán thay mặt tổ Thẩm phán thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này theo sự phân công bằng văn bản của tổ trưởng tổ Thẩm phán.

Điều 16. Trách nhiệm phối hợp của tổ Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phá sản với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản

1. Tổ trưởng hoặc thành viên tổ Thẩm phán được phân công có trách nhiệm chỉ định, thay đổi Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản theo quy định tại Điều 11 của Luật Phục hồi, phá sản. Trường hợp thay đổi Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thì phải có quyết định thay đổi trong đó nêu rõ lý do thay đổi.

2. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện việc đề xuất, đề nghị, yêu cầu, báo cáo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 42, các điều 10, 44, 50, 53, 58 và khoản 2 Điều 63 của Luật Phục hồi, phá sản bằng văn bản và gửi tổ Thẩm phán trong thời hạn pháp luật về phục hồi, phá sản quy định.

Tổ Thẩm phán xem xét giải quyết trong thời hạn pháp luật về phục hồi, phá sản quy định. Trường hợp pháp luật về phục hồi, phá sản không quy định thời hạn thì tổ Thẩm phán phải xem xét, quyết định trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, đề nghị, yêu cầu, báo cáo. Kết quả giải quyết của tổ Thẩm phán phải được gửi ngay cho Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

3. Tổ trưởng hoặc thành viên tổ Thẩm phán được phân công giám sát hoạt động của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản khi giải quyết vụ việc phá sản.

4. Tổ trưởng hoặc thành viên tổ Thẩm phán được phân công có thẩm quyền áp dụng biện pháp xử phạt vi phạm hành chính đối với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có hành vi vi phạm pháp luật theo quy định tại Điều 83 của Luật Phục hồi, phá sản và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 17. Trách nhiệm phối hợp của tổ Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phá sản với Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên

Tổ trưởng hoặc thành viên tổ Thẩm phán được phân công gửi cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp các văn bản trong quá trình giải quyết đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phá sản theo quy định tại các điều 39, 41, 50, 60, 61, 62, 63, 64 và 65 của Luật Phục hồi, phá sản.

Điều 18. Trách nhiệm phối hợp của tổ Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phá sản với Cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên

1. Tổ trưởng hoặc thành viên tổ Thẩm phán được phân công có trách nhiệm gửi cho Cơ quan thi hành án dân sự quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản và các quyết định, thông báo khác quy định tại khoản 6 Điều 39, khoản 3 Điều 41, khoản 6 Điều 65, Điều 50 và Điều 64 của Luật Phục hồi, phá sản.

2. Khi nhận được văn bản yêu cầu, đề nghị của Chấp hành viên theo quy định tại Điều 78, khoản 2 Điều 80 và khoản 2 Điều 81 của Luật Phục hồi, phá sản và pháp luật về thi hành án dân sự, Chánh án Tòa án phân công một Thẩm phán là tổ trưởng hoặc thành viên của tổ Thẩm phán đã ra quyết định xem xét, giải quyết trong thời hạn pháp luật về phục hồi, phá sản và pháp luật về thi hành án dân sự quy định và gửi ngay kết quả giải quyết cho Chấp hành viên, Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp tổ trưởng, thành viên của tổ Thẩm phán đã ra quyết định không còn là Thẩm phán của Tòa án thì Chánh án Tòa án phân công một Thẩm phán khác xem xét, giải quyết yêu cầu, đề nghị của Chấp hành viên.

Chương IV
CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA TỔ THẨM PHÁN GIẢI QUYẾT ĐƠN ĐỀ NGHỊ XEM XÉT LẠI, KHÁNG NGHỊ QUYẾT ĐỊNH TUYÊN BỐ DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ PHÁ SẢN

Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ Thẩm phán giải quyết đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản

1. Tổ chức phiên họp giải quyết đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản và ra một trong các quyết định quy định tại khoản 3 Điều 67 của Luật Phục hồi, phá sản.

2. Các nhiệm vụ, quyền hạn của tổ Thẩm phán được giao cho tổ trưởng hoặc thành viên tổ Thẩm phán theo quy định tại Điều 21 của Thông tư này.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật về phục hồi, phá sản.

Điều 20. Trình tự, thủ tục phiên họp giải quyết đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản

1. Tổ trưởng tổ Thẩm phán phải tổ chức phiên họp giải quyết đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản trong thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 67 của Luật Phục hồi, phá sản. Phiên họp của tổ Thẩm phán phải có đủ các thành viên tổ Thẩm phán, trường hợp có thành viên tổ Thẩm phán vắng mặt thì phải hoãn phiên họp.

2. Tổ trưởng tổ Thẩm phán khai mạc và chủ trì phiên họp. Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên họp.

Biên bản phiên họp ghi lại toàn bộ diễn biến phiên họp và phải có chữ ký của tổ trưởng và thư ký ghi biên bản.

3. Một thành viên của tổ Thẩm phán trình bày tóm tắt nội dung vụ việc phá sản, quá trình giải quyết vụ việc phá sản và đề nghị của người đề nghị xem xét lại (nếu có). Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân về quyết định kháng nghị trong trường hợp Viện kiểm sát nhân dân kháng nghị.

4. Trường hợp có người tham gia thủ tục phá sản được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp thì họ được trình bày ý kiến của mình về đề nghị xem xét lại quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản, quyết định kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.

5. Tổ Thẩm phán thảo luận và biểu quyết tại phòng họp kín về việc giải quyết đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản. Khi thảo luận và biểu quyết tại phòng họp kín phải có biên bản ghi lại ý kiến đã thảo luận và quyết định của tổ Thẩm phán. Biên bản thảo luận phải được các thành viên của tổ Thẩm phán ký, ghi rõ họ tên. Thành viên có ý kiến thiểu số có quyền trình bày ý kiến của mình bằng văn bản riêng hoặc ghi trong biên bản thảo luận.

Trường hợp có nhiều tình tiết phức tạp mà không thể ra quyết định ngay thì tổ Thẩm phán có thể quyết định kéo dài thời gian thảo luận và biểu quyết nhưng không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày mở phiên họp.

6. Quyết định của tổ Thẩm phán phải được đa số thành viên của tổ Thẩm phán biểu quyết tán thành. Quyết định này được lập thành văn bản và được tổ trưởng ký thay mặt tổ Thẩm phán và đóng dấu Tòa án.

Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ trưởng tổ Thẩm phán và thành viên tổ Thẩm phán giải quyết đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản

1. Các nhiệm vụ, quyền hạn của tổ Thẩm phán sau đây do tổ trưởng thay mặt tổ Thẩm phán thực hiện:

a) Tiếp nhận hồ sơ vụ việc phá sản kèm theo đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản;

b) Hướng dẫn, yêu cầu người đề nghị xem xét lại, người tham gia thủ tục phá sản thu thập, giao nộp tài liệu, chứng cứ; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, chứng cứ;

c) Gửi hồ sơ vụ việc phá sản cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp trong trường hợp Viện kiểm sát kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản;

d) Tổ chức nghiên cứu hồ sơ vụ việc phá sản, đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản;

đ) Quyết định mở phiên họp xem xét, giải quyết đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản;

e) Gửi quyết định của tổ Thẩm phán theo quy định tại khoản 3 Điều 67 của Luật Phục hồi, phá sản cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, người nộp đơn đề nghị, doanh nghiệp, hợp tác xã bị yêu cầu áp dụng thủ tục phá sản; gửi quyết định quy định tại điểm c khoản 3 Điều 67 của Luật Phục hồi, phá sản cho cơ quan đăng ký kinh doanh để xác định tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, hợp tác xã;

g) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo sự phân công của tổ Thẩm phán, trừ các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều 19 của Thông tư này.

2. Thành viên tổ Thẩm phán thay mặt tổ Thẩm phán thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này theo sự phân công bằng văn bản của tổ trưởng tổ Thẩm phán.

Điều 22. Trách nhiệm phối hợp của tổ Thẩm phán giải quyết đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản với Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên

1. Tổ trưởng tổ Thẩm phán thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để cử Kiểm sát viên tham gia phiên họp giải quyết kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật Phục hồi, phá sản.

2. Tổ trưởng tổ Thẩm phán hoặc thành viên tổ Thẩm phán được phân công có trách nhiệm gửi cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp:

a) Hồ sơ vụ việc phá sản để nghiên cứu trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Viện kiểm sát nhận được hồ sơ trong trường hợp Viện kiểm sát kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản;

b) Quyết định mở phiên họp giải quyết kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản;

c) Quyết định của tổ Thẩm phán theo quy định tại khoản 3 Điều 67 của Luật Phục hồi, phá sản.

3. Trường hợp Kiểm sát viên vắng mặt tại phiên họp giải quyết kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản thì Tòa án hoãn phiên họp và thông báo bằng văn bản về việc hoãn phiên họp cho Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

2. Tổ Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản được thành lập theo quy định tại Điều 31 của Luật Phá sản số 51/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 85/2025/QH15 nhưng đến ngày 01 tháng 3 năm 2026 (ngày Luật Phục hồi, phá sản số 142/2025/QH15 có hiệu lực thi hành) mà chưa giải quyết xong vụ việc phá sản thì tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của tổ Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phá sản theo quy định của Luật Phục hồi, phá sản số 142/2025/QH15 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng để tiếp tục giải quyết.

3. Tổ Thẩm phán giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản được thành lập theo quy định tại Điều 44 của Luật Phá sản số 51/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 85/2025/QH15 nhưng đến ngày 01 tháng 3 năm 2026 (ngày Luật Phục hồi, phá sản số 142/2025/QH15 có hiệu lực thi hành) mà chưa giải quyết xong đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản thì áp dụng quy định của Luật Phá sản số 51/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 85/2025/QH15 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng để tiếp tục giải quyết.

4. Tổ Thẩm phán giải quyết đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản được thành lập theo quy định tại Điều 112 của Luật Phá sản số 51/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 85/2025/QH15 nhưng đến ngày 01 tháng 3 năm 2026 (ngày Luật Phục hồi, phá sản số 142/2025/QH15 có hiệu lực thi hành) mà chưa giải quyết xong thì áp dụng quy định của Luật Phá sản số 51/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 85/2025/QH15 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng để tiếp tục giải quyết.

5. Vụ việc phục hồi, phá sản đã thụ lý từ ngày 01 tháng 3 năm 2026 (ngày Luật Phục hồi, phá sản số 142/2025/QH15 có hiệu lực thi hành) nhưng đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành chưa giải quyết xong thì áp dụng Thông tư này để tiếp tục giải quyết.

6. Các trình tự, thủ tục đã thực hiện, các văn bản đã ban hành theo đúng quy định của pháp luật trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì không căn cứ vào Thông tư này để thực hiện lại hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế.

7. Không áp dụng quy định tại Thông tư này làm căn cứ đề nghị xem xét lại, kiến nghị, kháng nghị đối với quyết định của Tòa án về giải quyết vụ việc phục hồi, phá sản đã có hiệu lực pháp luật trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

8. Trong quá trình triển khai thi hành Thông tư, nếu có vướng mắc cần được hướng dẫn, quy định bổ sung thì đề nghị phản ánh về Tòa án nhân dân tối cao để hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung kịp thời./.

CHÁNH ÁN

Nguyễn Văn Quảng